

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/7/2017.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Mai.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ cư trú: tổ 25, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Cơ sở trọ ông Nguyễn Văn T, tổ 25 khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ cư trú: tổ 25, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(chị M và anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh C xây dựng gia đình vào năm 2004, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Chị và anh C phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị và anh C là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm lo lắng cho vợ, anh C có hành vi đánh chị, chị cũng đã mời Công an thị trấn đến giải quyết, trong quá trình phát sinh mâu thuẫn do anh C có lời lẽ hăm dọa nên chị có nhờ bạn đến nhà để nói chuyện với anh C, từ khi phát sinh mâu thuẫn chị và anh C đã sống ly thân cho đến nay, chị thuê nhà trọ bên ngoài để sinh sống còn anh C vẫn sống tại nhà hai vợ chồng. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, chị và anh C cũng không có bàn bạc đoàn tụ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: có 01 cháu.

Phạm Thị Minh T, sinh ngày 19/8/2004.

Hiện nay cháu T chị là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và chị vẫn tôn trọng ý kiến của cháu T, nếu cháu có nguyện vọng sống với anh C thì chị để anh C nuôi dưỡng, trường hợp chị được quyền nuôi con yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Hiện tại chị làm Công ty thu nhận lương một tháng 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm ngàn),

- Về tài sản chung: Chị M trình bày để chị và anh C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Chị M trình bày không có.

Bị đơn anh Phạm Văn C có ý kiến đề nghị đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị M xây dựng gia đình vào năm 2004, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Anh xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh có tát chị M một cái, Công an thị trấn cũng có đến làm việc, từ đó chị M bỏ ra ngoài thuê phòng trọ để sống, anh vẫn sống tại nhà anh. Trong thời gian mâu thuẫn chị M có cho người đến hăm dọa anh, chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác ở bên ngoài. Trong thời gian sống ly thân anh và chị M không có bàn bạc đoàn tụ gì.

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: có 01 cháu.

Phạm Thị Minh T, sinh ngày 19/8/2004.

Hiện nay cháu T chị M là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, anh nuôi con không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con, trường hợp nếu chị M nuôi con anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng).

- Về tài sản chung: Anh C trình bày không có, nợ chung: Anh C trình bày không có.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn C thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Anh C cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, anh C nuôi con không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con, anh cho rằng anh có điều kiện nuôi con của anh tốt hơn chị M. Trường hợp nếu chị M được quyền nuôi con anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị M trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, anh C trình bày không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị M và anh C xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tổ tụng theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tổ tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tổ tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị M được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh T cho chị M nuôi dưỡng, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn C là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh

chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị M và anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2004, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01 ngày 27/5/2004, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh C đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2015 chị M và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn với anh C. Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị M.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2017, bà Nguyễn Thị Cẩm V là tổ trưởng tổ 25A, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nơi chị M và anh C đã sinh sống cung cấp, giữa chị M và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, thường cãi vã với nhau, anh C có hành vi đánh chị M rất nhiều lần, địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng anh C không thay đổi.

Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2017, ông Phan Quốc D là Công an khu vực, phụ trách Khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cung cấp giữa chị M và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã xảy ra xô xát nhiều lần, Công an thị trấn L cũng đã tiến hành hòa giải, nhưng sự việc lại tiếp diễn, hiện chị M và anh C đã sống ly thân.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2017 của bà M Thị Sinh là mẹ ruột của anh C cung cấp, giữa anh C và chị M cũng đã phát sinh mâu thuẫn.

Từ những phân tích như đã nêu trên, xét thấy mâu thuẫn phát sinh giữa chị M và anh C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị M và anh C đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, nên giải quyết cho chị M và anh C được ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 cháu.

Phạm Thị Minh T, sinh ngày 19/8/2004.

Giữa chị M và anh C đều có tranh chấp về việc nuôi con. Xét cháu T đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu T, cháu có nguyện vọng sống cùng với chị M. Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2017, bà Nguyễn Thị Cẩm V là tổ trưởng tổ 25A, khu K, thị trấn L, huyện L cung cấp hiện chị M có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T. Đối với yêu cầu nuôi cháu T của anh C là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì anh C không chứng minh được công việc làm cũng như thu nhập có ổn định hay không ổn định, hành vi đánh chị M của anh C sẽ ảnh hưởng đến việc giáo dục và tâm lý phát triển bình thường của cháu T và trái với nguyện vọng của cháu T. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu T, bản thân cháu T là con gái nên cần giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng).

[3]. Về tài sản chung: Chị M trình bày để chị M và anh C tự thỏa thuận giải quyết, anh C cho rằng tài sản chung không có, nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Chị M và anh C đều trình bày không có, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị M được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Chị M được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày 19/8/2004. Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh C được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không xem xét.

4. Nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn) theo các biên lai số 006023 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị M đã nộp đủ án phí. Anh C phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Nguyên đơn chị M, bị đơn anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- UBND TT. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hùng Minh Sang